

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 13/05/2025.

V/v “*Kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dũng và ông Nguyễn Trọng Bộ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành tham gia phiên tòa:
Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2025 về “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Trần Công H, sinh năm 1965 và bà Dương Thị N, sinh năm 1972. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương (*Ông Trần Công H ủy quyền cho bà Dương Thị N tham gia tố tụng*).

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị P1, sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện cũng như lời khai trong quá trình giải quyết vụ án; Nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết nên vào năm 2011 vợ chồng ông Nguyễn Ngọc P, bà Nguyễn Thị P1 hỏi vay vợ chồng bà (Trần Công H, Dương Thị N) số tiền 550.000.000đ để mua xe ô tô kinh doanh vận tải. Do ông P, bà P1 hẹn vay trong thời gian ngắn sẽ trả nên vợ chồng bà đồng ý (khi vay có viết giấy vay tiền do ông P, bà P1 ký nhận, không thoả thuận về lãi xuất, nhưng giấy này hiện đã thất lạc). Sau khi mua ô tô để kinh doanh thì khoảng năm 2012 vợ chồng ông P bán xe rồi vào miền nam sinh sống nhưng chưa trả vợ chồng bà số tiền đã vay. Năm 2016 ông P, bà P1 về xã C (nay là xã V) sinh sống, vợ chồng bà đã nhiều lần đòi nhưng ông P, bà P1 chỉ hứa hẹn mà không trả, đến năm 2023 do chồng bà bị đột quỵ nên bà yêu cầu ông P, bà P1 trả số tiền đã vay thì ngày 03/5/2023 ông P, bà P1 viết lại cho vợ chồng bà giấy xác nhận vay nợ số tiền 550.000.000đ và cam kết sẽ trả dần mỗi năm số tiền

50.000.000đ, mặc dù cam kết như vậy nhưng ông P, bà P1 vẫn chưa trả được phần tiền nào đã vay. Ngày 18/12/2024 ông P điện thoại cho bà và hứa nếu bán được ruộng thuộc xứ đồng Hố, tại đội 6, thôn Đ, xã C (nay là xã V), huyện K sẽ trả tiền cho vợ chồng bà. Nay ông bà khởi kiện đến Tòa án yêu cầu buộc ông P, bà P1 lấy được tiền bán ruộng phải trả cho vợ chồng bà số tiền 550.000.000đ gốc và không yêu cầu tiền lãi. Ngoài ra vợ chồng bà không yêu cầu gì khác. Do công việc bận nên bà N đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

*** Quan điểm của Bị đơn:** Chúng tôi (Nguyễn Ngọc P và Nguyễn Thị P1) là vợ chồng, vào năm 2011 vợ chồng chúng tôi có vay của bà N và ông H số tiền 550.000.000đ. Cho đến thời điểm hiện tại vợ chồng tôi vẫn chưa trả được cho ông H, bà N số tiền trên. Nay bà N khởi kiện ra tòa án, chúng tôi xác định có nợ bà N ông H số tiền trên và có ký vào giấy xác nhận nợ ngày 03/5/2023. Chúng tôi đồng ý trả nợ nhưng xin cho chúng tôi trả dần. Do bận công việc nên chúng tôi đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn và Bị đơn đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.
- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật; Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 158, 166, 274, 278, 280, 351, 357, 429, 463, 464, 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí.

Đề nghị tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công H và bà Dương Thị N.

Buộc ông Nguyễn Ngọc P, bà Nguyễn Thị P1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trần Công H và bà Dương Thị N số tiền 550.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án khởi kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay thông qua hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Về thời hiệu: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền đã vay vào năm 2011 không thoả thuận về lãi suất, ngày 03/5/2023 Bị đơn viết Giấy xác nhận vay nợ; ngày 14/01/2025 Nguyên đơn thực hiện quyền khởi kiện là đảm bảo thời hiệu theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

1.3 Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn hiện đang cư trú và sinh sống tại xã V, huyện K, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.4 Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc Bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay 550.000.000 đồng: Bà N, ông H giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ là Giấy xác nhận vay nợ ngày 03/5/2023 có chữ ký của ông P, bà P1 thể hiện ông P, bà P1 hiện vay nợ ông H, bà N số tiền 550.000.000 đồng. Tòa án tiến hành làm việc với ông P, bà P1 tại nơi cư trú; ông P, bà P1 cũng thừa nhận hiện còn nợ ông H, bà N số tiền 550.000.000 đồng và đề nghị trả dần. Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ các đương sự đã giao nộp và lời khai của các đương sự có căn cứ xác định: Số tiền ông P và bà P1 hiện còn nợ vợ chồng ông H, bà N là 550.000.000 đồng. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông H, bà N về việc yêu cầu ông P, bà P1 phải thực hiện trả số tiền 550.000.000 đồng là có căn cứ, cần chấp nhận.

Việc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật sẽ áp dụng quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về lãi vay: Quá trình giải quyết, Nguyên đơn không yêu cầu Bị đơn phải thanh toán tiền lãi đối với số tiền lãi vay còn lại nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho Nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 158, 166, 274, 278, 280, 351, 357, 429, 463, 464, 466; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

- Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí. Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

2. *Xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Công H và bà Dương Thị N.

Buộc ông Nguyễn Ngọc P và bà Nguyễn Thị P1 phải thực hiện nghĩa vụ trả cho ông Trần Công H và bà Dương Thị N số tiền là: 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

3.1 Buộc ông Nguyễn Ngọc P và bà Nguyễn Thị P1 phải chịu 26.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2 Hoàn trả ông Trần Công H và bà Dương Thị N (Do bà N là người đại diện theo ủy quyền) số tiền tạm ứng án phí 13.000.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23, số 0006556 ngày 14/01/2025.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt các đương sự. Đã báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi gửi:

- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa